

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17-01-2022
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Ngọc Mạnh
2. Bà Lại Thị Đắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 869/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 129/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2021; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kiều L, sinh năm: 1990; Địa chỉ: 61 ấp 1, xã T, thành phố C, tỉnh C; Địa chỉ liên lạc: 22 đường B, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thanh T, sinh năm: 1986; Địa chỉ: 22 đường B, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 25 tháng 5 năm 2020, nộp tại Tòa án nhân dân Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh ngày 07 tháng 7 năm 2020 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Kiều L trình bày: Tôi và

ông Trần Thanh T chung sống vợ chồng từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo giấy chứng nhận kết hôn số 119, đăng ký ngày 23/5/2017. Trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn khó có thể hoà hợp. Ông T có tính vũ phu, tôi cũng đã nhiều lần bỏ qua để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nhận thấy không thể có một cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, bản thân tôi không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân này nữa. Tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn ông Trần Thanh T. Về con chung: có 01 con chung tên là Trần Lê Bảo N, sinh ngày: 13/5/2018 ngoài ra không có con chung nào khác. Tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Trần Thanh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại Bản tự khai ngày 12 tháng 4 năm 2021 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án bị đơn là ông Trần Thanh T trình bày: Tôi và bà Lê Thị Kiều L chung sống vợ chồng từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Mâu thuẫn phát sinh gia đình từ năm 2019, sống ly thân từ năm 2020. Lý do xin đoàn tụ gia đình vì muốn được cùng nhau nuôi dưỡng con và ổn định cuộc sống hơn. Đề nghị Tòa án cho tôi được đoàn tụ với bà Lê Thị Kiều L. Chúng tôi có một con chung tên là Trần Lê Bảo N, sinh ngày: 13/5/2018; Tài sản chung: không có; nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 119, đăng ký ngày 23/5/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Bản sao Giấy khai sinh số 274 đăng ký ngày 01/6/2018 tại Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Tòa án xác định đây là những tình tiết, sự kiện chứng cứ không phải chứng minh căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Lê Thị Kiều L thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn bà Lê Thị Kiều L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà

vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét việc bà Lê Thị Kiều L và ông Trần Thanh T chung sống vợ chồng từ năm 2017; Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo giấy chứng nhận kết hôn số 119, đăng ký ngày 23/5/2017; Nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét yêu cầu của bà Lê Thị Kiều L xin ly hôn với ông Trần Thanh T. Do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn khó có thể hoà hợp. Bà Lê Thị Kiều L và ông Trần T Tú đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Bản thân bà Lê Thị Kiều L không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân này nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Thanh T. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Trần Thanh T đến Tòa để hoà giải và làm rõ tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Thị Kiều L và ông Trần Thanh T; Nhưng ông Trần Thanh T không đến. Chứng tỏ ông Trần Thanh T thiếu thiện chí để hoà giải những mâu thuẫn của vợ chồng, không xem trọng cuộc sống chung của vợ chồng. Xét thấy bà Lê Thị Kiều L và ông Trần Thanh T không yêu thương, chăm sóc giúp đỡ, tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Kiều L là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về con chung: Bà Lê Thị Kiều L và ông Trần Thanh T có 01 con chung tên là Trần Lê Bảo N, sinh ngày: 13/5/2018 ngoài ra không có con chung nào khác. Hiện nay bà Lê Thị Kiều L đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung của bà Lê Thị Kiều L là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi cho con trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận; Quyết định giao con chung tên là Trần Lê Bảo N cho bà Lê Thị Kiều L trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con bà Lê Thị Kiều L không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[7] Xét về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Kiều L và ông Trần Thanh T khai không có nên Tòa án không xem xét.

[8] Xét về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

Bà Lê Thị Kiều L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kiều L xin ly hôn ông Trần Thanh T.

2. Về con chung: có 01 con chung tên là Trần Lê Bảo N, sinh ngày: 13/5/2018 ngoài ra không có con chung nào khác.

Giao cho bà Lê Thị Kiều L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Trần Lê Bảo N. Về cấp dưỡng nuôi con bà Lê Thị Kiều L không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung của cha mẹ.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Kiều L và ông Trần Thanh T khai không có nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Lê Thị Kiều L chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0044423 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên

án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND P5 Q8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Cửu Thị Mẫn